Tổ:

Họ tên giáo viên:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần:**  **Tiết:** | **BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II** |

Môn học/Hoạt động giáo dục: Đại số; lớp: 9

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương II về phương trình và bất phương trình bậc nhất 1 ẩn.

- Giải được phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu, giải bpt bậc nhất 1 ẩn

- Áp dụng các tính chất của bđt, cách giải pt, bpt vào 1 số dạng bài tập liên quan và các bt có nội dung thực tế.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp. Đọc SGK, trả lời các câu hỏi

trong SGK, câu hỏi trên lớp.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Học sinh trình bày vấn đề, lắng nghe phân tích, thảo luận nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến bài học.

\* **Năng lực Toán học:**

- Giúp học sinh chuyển đổi ngôn ngữ, từ ngôn ngữ thông thường sang đọc (nói), viết, tính toán.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức để giải một số bài toán.

- Trung thực thể hiện ở bài toán vận dụng thực tiễn.

- Trách nhiệm của học sinh khi hoạt động học tập cá nhân, thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm,…

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** KHBD, máy tính cầm tay, sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức.

**2. Học sinh:** SGK, vở, bút, máy tính cầm tay, bài tập nhóm trên giấy khổ lớn hoặc bảng nhóm vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1:** Mở đầu

**a) Mục tiêu:** Kích thích tính ham học hỏi của học sinh.

**b) Nội dung:** Thi “ Vòng quay may mắn”

**c) Sản phẩm:** Chọn đúng đáp án của các câu trắc nghiệm ( trong sgk)

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV nêu cách chơi ở phần khởi động.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - 5 HS xung phong lên tham gia trò chơi lần lượt chọn câu hỏi số 1, 2, 3, 4 hoặc 5 và quay chọn điểm.  - Có 8 giây để suy nghĩ và 5 hs cùng chọn đáp án.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS giơ biển chọn 1 đáp án A, B, C, D  - HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu sai)  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  - Tổng kết điểm và trao thưởng. | **Câu 1: Nghiệm của bất phương trình**  **–2x+1<0 là :**    **Câu 2: Điều kiện xác định của phương trình là:**    **Câu 3: Phương trình x – 1 = m + 4 có nghiệm lớn hơn 1 với**    **Câu 4. Nghiệm của bất phương trình là**    **Câu 5. Cho a > b khi đó** |

**Hoạt động 2: Luyện tập, vận dụng:**

**a) Mục tiêu:** - HS hệ thống lại được kiến thức trong chương II và vận dụng được vào các bài toán liên quan trong chương.

**b) Nội dung:**-HS tìm hiểu nội dung kiến thức về phương trình, bất phương trình theo SĐTD và dẫn dắt của GV, thảo luận trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ và vận dụng kiến thức chương II để thực hành làm các bài tập trong SGK và của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***2.1. Hoạt động ôn tập kiến thức***

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức chương II theo sơ đồ tư duy.

**b) Nội dung:** Trình bày SĐTD của 1 số nhóm đã chuẩn bị.

**c) Sản phẩm:** SĐTD của các nhóm

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:**

- HS các nhóm dán SĐTD đã chuẩn bị để các nhóm khác xem và nhận xét

**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS 4 nhóm dán SĐTD

- HS thảo luận và nêu nhận xét.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ( nếu cần)

**\* Kết luận, nhận định:**

**-** GV nhận xét, bổ sung.

***2.2. Một số dạng BT***

**a) Mục tiêu:** Vận dụng KT chương II vào giải quyết 1 số dạng BT

**b) Nội dung:** Giải các BT liên quan trong SGK

**c) Sản phẩm:** Lời giải của cá nhân, của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- | --- |
| **Dạng 1: Giải các phương trình, bất phương trình sau:**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** HS làm bt dạng 1.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - 3 HS trình bày trên bảng.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  **-** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  - Lưu ý hs phần đkxđ và đối chiếu đk ở câu 2.27b  **Dạng 2: Bài toán thực tế:**  **BT 2.30**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS đọc đề bài.  a) Hãy viết một phương trình xác định thời gian gọi (phút) mà phí phải trả cho cùng 1 tháng của 2 gói cước là như nhau và giải phương trình đó.  b) Nếu khách hàng chỉ gọi tối đa 180 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước nào? Nếu khách hàng gọi 500 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm 2 bàn.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm HS trình bày trên ra phiếu học tập.  - Chiếu nd phiếu ht của 1 số nhóm - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của các nhóm HS.  **BT 2.31**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS đọc đề bài trong SGK  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động theo 4 nhóm lớn.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm HS trình bày trên ra bảng phụ  - Dán bảng phụ để hs theo dõi  - Nhóm HS khác nhận xét chéo, chấm điểm.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV ktra các kết quả và nhận xét phần trình bày của các nhóm HS.  **BT 2.32**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS đọc đề bài trong SGK  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân theo vận dụng 6.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày ra vở  - 1 hs lên bảng tr/bày  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV ktra vở 1 số hs, hướng dẫn hs TB, yếu  - Chốt kq và trình bày cho hs. | **Dạng 1: Giải các phương trình, bất phương trình sau:**  2.26a)    2.27b)  2.29a)  Kết quả:  2.26a) PT đã cho có 2 nghiệm:  2.27b) PT đã cho có 1 nghiệm:  2.29a) BPT có nghiệm:  **Dạng 2: Bài toán thực tế:**  **2.30. (sgk/tr 42)**  HD:  a) Gọi số phút gọi trong 1 tháng là x (phút, x>0)  Số phút phải trả tiền theo gói cước A là: x - 45 (phút).  Phí phải trả theo gói cước A là: 32 + (x – 45).0,4 (USD)  Phí phải trả theo gói cước B là: 44 + 0,25x (USD)  Để phí phải trả cho 2 gói cước là như nhau thì ta có phương trình:  32 + (x – 45).0,4 = 44 + 0,25x  32 + 0,4x – 18 = 44 + 0,25x  0,15x = 30  x = 200 ( thỏa mãn đk)  Vậy nếu khách hàng dùng khoảng 200 phút trong 1 tháng thì số phí phải trả cho 2 gói cước là như nhau.  b) Xét bất phương trình:  32 + (x – 45).0,4 > 44 + 0,25x  32 + 0,4x – 18 > 44 + 0,25x  0,15x > 30  x > 200  Vậy nếu khách hàng chỉ dùng tối đa 180 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước A.  Nếu khách hàng dùng khoảng 500 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước B.  **2.31.**  Giải:  Gọi x là số điểm Thanh làm được trong bài ktra viết ( )  Vì điểm TB của 3 bài nghe, nói, đọc là 6,7 nên tổng điểm của 3 bài sẽ khoảng: 6,7.3=20,1  Do điểm ktra là số nguyên nên tổng 3 bài là 20  Nên tổng điểm của 4 bài ktra sẽ là: x+20  Điểm TB của cả 4 bài là: (x+20):4  Để điểm TB của 4 bài được 7 trở lên thì ta có:  Vậy Thanh cần làm bài thi viết ít nhất 8 điểm để điểm TB cả 4 bài được từ 7,0 trở lên.  **2.32. *Để lập đội tuyển năng khiếu bóng rổ của trường, thầy thể dục đưa ra quy định tuyển chọn như sau: mỗi bạn dự tuyển sẽ đc ném 15 quả bóng vào rổ, quả bóng vào rổ được cộng 2 điểm; quả bóng ném ra ngoài bị trừ 1 điểm. Nếu bạn nào có số điểm từ 15 trở lên thì sẽ được chọn vào đội tuyển. Hỏi 1 hs muốn được chọn vào đội tuyển thì phải ném ít nhất bao nhiêu quả vào rổ?***  ***HD:*** Gọi x là số lần ném bóng vào rổ thì số lần ném bóng ra ngoài là 15-x  Số điểm mà người ứng tuyển có được là:  2x - (15-x).1= 3x - 15  Để đc chọn vào đội tuyển thì:  Vậy cần ném ít nhất 10 quả bóng vào rổ thì hs đó mới được chọn. | |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Đọc mục “ CÓ THỂ EM CHƯA BIẾT’ trong sgk trang 43

- Xem lại các BT đã chữa

- Làm bài tập còn lại trong SGK.

- nghiên cứu trước bài 7: “CĂN BẬC 2 VÀ CĂN THỨC BẬC 2”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*